TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 390/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 324/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 68, tổ 4, ngõ 195/2, phường P, TP Hà Nội. CCCD 001185006xxx cấp năm 2022.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 28, tổ 1 phường P, TP Hà Nội. CCCD 001083018xxx cấp năm 2016.

Căn cứ vào điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung vợ chồng: Anh chị có 02 cháu là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 05/4/2006 và cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 04/6/2009. Cháu N đã thành niên nên không phải giải quyết. Chị T nuôi dưỡng cháu A. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh chị có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản;

- Về tài sản chung vợ chồng: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0007652 ngày 31/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Hoàn trả lại chị T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND khu vực 5 – Hà Nội;
- UBND phường P, quận L, TP Hà Nội (nay là phường P, Hà Nội, ngày 19/09/2005), (số:26/2005);
- Thi hành án dân sự TP: Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Hồng Quang